

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẮC THANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẮC THANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC THANH INVESTMENT CONSTRUCT AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAC THANH INCOAC., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107588289

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28BIS/27, ngõ Thịnh Hào 3, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.66718648

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4100        |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4220        |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4290(Chính) |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động rà phá bom mìn và các hoạt động tương tự)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội, ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan<br>Thiết kế kết cấu công trình<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình<br>Thiết kế cấp thoát nước<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>Lập quy hoạch xây dựng<br>Lập dự án đầu tư xây dựng<br>Thiết kế xây dựng công trình<br>Thẩm tra thiết kế xây dựng, tổng dự toán các công trình xây dựng<br>Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; | 7110        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.680.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CHU VĂN HỢP          | P404B, Tập thể Viện TKCNHC, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 187.200    | 1.872.000.000         | 40,000    | 012999509                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                        | Tổng số           | 187.200    | 1.872.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LY | Số 24, ngõ 32, đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 140.400    | 1.404.000.000         | 30,000    | 012550006                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                        | Tổng số           | 140.400    | 1.404.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ HẢI THIÊN | Số 24D, Tổ 26, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 140.400    | 1.404.000.000         | 30,000    | 012997349                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                        | Tổng số           | 140.400    | 1.404.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHU VĂN HỢP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012999509

Ngày cấp: 02/01/2008

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P404B, Tập thể Viện TKCNHC, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 28BIS/27, ngõ Thịnh Hào 3, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội